

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 294/2025/DS-PT
Ngày: 08-5-2025
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Triều

Ông Võ Thanh Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 4 và 08 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 582/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 173/2024/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 679/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Phan Văn T, sinh năm 1970;

Trú tại: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Tăng Văn H, sinh năm 1970, trú tại ấp Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày 19 tháng 6 năm 2024) (có mặt).

2. **Bị đơn:** Chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1983 (có mặt);

Trú tại: Tổ I, ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn Phạm Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 19/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phan Văn T trình bày: Nguyên do trước đây là chỗ quen biết nhau, nên vào ngày 19/01/2022 anh Phan Văn T có cho chị Phạm Thị Đào M số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), với mức lãi suất thoả thuận là 2%/tháng, chị Đ hứa sẽ trả cho anh T vào ngày 31/01/2022. Nhưng chị Đ không thực hiện đúng lời hứa của mình. Đến nay chị Đ không trả lại cho anh T mặc dù anh T đã nhiều lần yêu cầu chị Đ trả cho anh T số tiền nợ trên. Chị Đ cố tình trốn tránh không có thiện chí trả nợ cho anh T làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh T. Anh T khởi kiện yêu cầu chị Đ trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi với lãi suất là 2%/tháng. Tiền lãi vay tạm tính từ ngày 19/01/2022 đến ngày 17/6/2024 là $50.000.000 \text{ đồng} \times 2\%/\text{tháng} \times 30 \text{ tháng} = 30.000.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

Theo bản tự khai ngày 21/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phạm Thị Đ trình bày: Chị Đ thừa nhận có mượn anh Phan Văn T số tiền 50.000.000 đồng, mượn vào ngày 20 tết âm lịch năm 2022, chị Đ không nhớ ngày dương lịch. Chị Đ có làm biên nhận nhận số tiền 50.000.000 đồng cho anh T. Mục đích mượn tiền là để buôn bán trái cây, không có lãi suất. Đến ngày 30 tết âm lịch năm 2022, chị Đ đã trả lại số tiền 50.000.000 đồng cho anh T, trả ngoài đường không có ai chứng kiến. Khi chị Đ trả xong số tiền 50.000.000 đồng cho anh T, anh T có trả lại biên nhận nhận tiền cho chị và chị đã xé bỏ ngay lúc đó. Chị Đ không thừa nhận chị có viết và ký tên trong biên nhận nhận tiền đề ngày 19/01/2022 do anh T cung cấp. Chị Đ không có mẫu chữ ký, chữ viết để cung cấp cho Toà án tiến hành giám định chữ ký, chữ viết trong biên nhận nhận tiền. Chị Đ không yêu Toà án tiến hành cầu trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết trong biên nhận đề ngày 19/01/2022. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh T, chị Đ không đồng ý trả, lý do chị đã trả xong số tiền này cho anh T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 173/2024/DSST ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 91, 92, 93, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Văn T.

1. Buộc bị đơn chị Phạm Thị Đ trả cho anh Phan Văn T số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng, số tiền lãi là 8.000.000 đồng. Tổng cộng là 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 23/9/2024 bị đơn Phạm Thị Đ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Đ xác định chữ viết, ký trong biên nhận ngày 19/01/2022 mà anh T làm căn cứ khởi kiện không phải do chị viết, ký, trước đây chị từng vay tiền của anh T nhưng đã thanh toán xong nên yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Anh Tăng Văn H - đại diện ủy quyền của nguyên đơn cũng xác định các phần nợ giao dịch giữa anh T và chị Đ trước đây đã thanh toán xong, số nợ trong biên nhận ngày 19/01/2022 chị Đ chưa thanh toán, anh không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị Đ, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tổ tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ để anh T kiện chị Đ là biên nhận nợ lập ngày 19/01/2022, phía chị Đ không thừa nhận, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện ủy quyền của anh T không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ chứng minh, không yêu cầu giám định tiếp nên không có căn cứ xác định chị Đ có nợ tiền anh T, vì vậy yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Phạm Văn T1 khởi kiện chị Phạm Thị Đ yêu cầu trả số nợ vay 50.000.000 đồng và lãi theo luật định, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” và thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 18/9/2024 Tòa án nhân dân huyện C xét xử vụ án, không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 23/9/2024, chị Phạm Thị Đ kháng cáo bản án sơ thẩm là trong hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số nợ vay 50.000.000 đồng và lãi, căn cứ để khởi kiện là biên nhận nợ lập ngày 19/01/2022, phía nguyên đơn cho rằng do bị đơn viết, ký tên trong biên nhận. Phía bị đơn không thừa nhận viết, ký trong biên nhận mà nguyên đơn cung cấp để khởi kiện.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, theo yêu cầu của chị Đ, ngày 10/3/2025 Tòa án đã Trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trong biên nhận ngày 19/01/2022, tại văn bản số 296/KTHS ngày 18/3/2025 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận “... chữ ký mang tên Phạm Thị Đ trên tài liệu cần giám định không

cùng dạng với chữ ký đứng tên Phạm Thị Đ trên các tài liệu mẫu so sánh nên không đủ cơ sở kết luận giám định”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và xác định lúc trước giữa anh T1 và chị Đ từng giao dịch vay tiền nhiều lần nhưng đã thanh toán xong và xé biên nhận, riêng biên nhận nợ ngày 19/01/2022 chưa thanh toán nên yêu cầu chị Đ trả 50.000.000 đồng vốn và 8.000.000 đồng lãi, đồng thời khẳng định không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trong biên nhận.

Xét thấy, căn cứ mà anh T1 khởi kiện chị Đ là biên nhận nợ do anh cung cấp lập ngày 19/01/2022, phía chị Đ không thừa nhận, đại diện ủy quyền của anh T1 cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như thực hiện giám định tiếp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

Anh T1 kiện chị Đ đòi số nợ 50.000.000 đồng, phía chị Đ không thừa nhận nợ, anh lại không chứng minh được yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ nên yêu cầu khởi kiện của anh T2 không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu kháng cáo của chị Đ là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thị Đ.

Sửa bản án Dân sự sơ thẩm số 173/2024/DSST ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn T về việc yêu cầu bị đơn chị Phạm Thị Đ trả 50.000.000 đồng tiền vốn vay và 8.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 58.000.000 đồng.

2. Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

H1 lại cho chị Phạm Thị Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011740 ngày 23/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Anh Phan Văn T phải chịu 2.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp 2.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011491 ngày 26/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên phải nộp tiếp 900.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thái Dũng